

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO CÓ ĐẠO

ThS ĐẶNG MẠNH TRUNG*

Vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo và công tác vận động đồng bào tôn giáo vào điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh xem việc đoàn kết quần chúng tín đồ các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hình thành sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trong cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước cũng như trong cách mạng XHCN là vấn đề chiến lược lâu dài.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đoàn kết rộng rãi đồng bào các tôn giáo, lấy mục tiêu cách mạng làm điểm tương đồng để vận động các tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến, hy sinh cho cách mạng, trong đó có những tín đồ dũng cảm chiến đấu, trở thành dũng sĩ, nhiều tấm gương yêu nước đã anh dũng hy sinh vì độc lập tự do của dân tộc.

Hồ Chí Minh đã nhiều lần nêu rõ quần chúng tín đồ các tôn giáo nói chung là những người tốt; “nhân dân ta bất kỳ lương hay giáo

đều tốt cả”¹. Tuy vậy, cũng cần nhận rõ một thực tế, đã có một số người theo đạo bị kẻ xấu lợi dụng nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc; một số người đội lốt tôn giáo hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam.

Để nâng cao hiệu quả công tác vận động đồng bào các tôn giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn nhủ cán bộ, đảng viên nhất thiết phải có kiến thức về tôn giáo, hiểu biết những điều cơ bản về giáo lý, phong tục tập quán của đồng bào, đặc biệt là không được xúc phạm đến niềm tin tôn giáo và phải tỏ thái độ thân ái, tôn trọng, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các vị chức sắc tôn giáo.

Chức sắc tôn giáo là những người có uy tín, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quần chúng tín đồ. Vì vậy, việc tranh thủ các vị chức sắc tôn giáo sẽ có tác dụng tích cực trong công tác tuyên truyền vận động đồng bào theo đạo chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn động viên, khen thưởng kịp thời những vị chức sắc các tôn giáo có công với nước và có đóng góp ích nước lợi dân. Ngày 25-4-1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 32/SL thưởng

* Ban Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai

Huân chương Độc lập hạng Nhì cho Linh mục Nguyễn Bá Luận vì thành tích “Vận động và hướng dẫn đồng bào Công giáo tích cực tham gia kháng chiến”. Nhân những ngày lễ trọng của tôn giáo, Người luôn chúc mừng chức sắc và đồng bào có đạo. Khi các vị chức sắc tôn giáo ốm đau, qua đời, với thái độ chân thành, Người đã thăm hỏi, chia buồn kịp thời. Chính thái độ trân trọng, chân thành đối với chức sắc và tín đồ các tôn giáo mà Người luôn được các vị chức sắc, tín đồ tôn trọng, kính nể, dành nhiều tình cảm ưu ái.

Về nội dung và phương pháp vận động đồng bào các tôn giáo, Hồ Chí Minh có cách làm rất linh hoạt và sáng tạo. Người chú ý chọn lọc và khai thác những giá trị nhân văn trong giáo lý và luôn sử dụng những điều trong giáo lý, những lời nói của các vị thánh hiền trong các tập Kinh Phật, Kinh Thánh... để lồng ghép vào các nội dung tuyên truyền giáo dục cho đồng bào các tôn giáo. Nhờ vậy mà đồng bào tín đồ dễ tiếp thu các nội dung truyền đạt. Khi giáo dục lòng yêu nước và giác ngộ cách mạng cho đồng bào Công giáo, Người nói: “Kinh thánh có câu “Ý dân là ý Chúa”, con đường yêu nước mà đồng bào đang đi là hoàn toàn đúng. Tôi mong các cụ phụ lão, các vị giám mục, linh mục hăng hái khuyến khích các tín đồ trong mọi công việc ích nước, lợi dân”². Hay khi kêu gọi tín đồ các tôn giáo đoàn kết, hòa hợp với các tầng lớp nhân dân đấu tranh chống lại âm mưu chia rẽ của kẻ thù, Người dẫn lời cầu nguyện của Chúa Kirixito: “Nguyện cho hết thầy đồng bào hoàn toàn hợp nhất với nhau”³.

Từ thực tiễn công tác lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh rút ra bài học mang

tính triết lý sâu sắc: “Ta quan tâm tới đời sống quần chúng thì quần chúng theo ta. Ta được lòng dân thì ta không sợ gì cả. Nếu không được lòng dân thì ta không thể làm tốt công tác”⁴. Bài học này không chỉ có giá trị trong các giai đoạn lịch sử cách mạng trước đây, mà trong giai đoạn cách mạng hiện nay vẫn còn nguyên giá trị và càng có ý nghĩa rất quan trọng.

Kế thừa và vận dụng sáng tạo những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác tôn giáo, Đảng, Nhà nước ta luôn thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng phù hợp với từng giai đoạn lịch sử, nhất là giai đoạn đổi mới đất nước, những quan điểm đổi mới của Đảng được thể hiện như sau:

Báo cáo chính trị tại Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã khẳng định: “Đảng và Nhà nước ta, trước sau như một, thực hành chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng. Lãnh đạo và giúp đỡ đồng bào theo tôn giáo đoàn kết xây dựng cuộc sống mới và hăng hái tham gia bảo vệ Tổ quốc”⁵.

Đại hội VII của Đảng (1991) xác định: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành động vi phạm tự do tín ngưỡng; đồng thời nghiêm cấm và ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập và đoàn kết dân tộc, chống chủ

nghĩa xã hội, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân”⁶. Ngoài việc khẳng định rõ sự bình đẳng giữa các tôn giáo và các hoạt động tôn giáo được bảo đảm, khuyến khích, Đảng còn đề cao vai trò của người có đạo trong sự nghiệp đoàn kết dân tộc và xây dựng CNXH ở nước ta.

Đại hội VIII của Đảng (1996) bên cạnh việc tiếp tục khẳng định thi hành nhất quán chính sách tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của công dân còn xác định trách nhiệm của Nhà nước: “Nhà nước chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giúp đỡ đồng bào có đạo xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống, tham gia các công việc xã hội, từ thiện...”⁷.

Đại hội IX của Đảng (2001), ngoài việc khẳng định những quan điểm của Đảng trong các đại hội trước còn bổ sung một số điểm mới nhằm đề cao trách nhiệm công dân của đồng bào theo đạo, nghiêm cấm việc lợi dụng tôn giáo: “Đồng bào theo đạo và các vị chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, sống “tốt đời, đẹp đạo”, phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hóa, đạo đức của tôn giáo. Từng bước hoàn thiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo...”⁸.

Đại hội X của Đảng (2006) tiếp tục phát triển các quan điểm đổi mới công tác tôn giáo của Đảng; đồng thời xác định rõ vai trò quan trọng của đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Theo đó, Nhà nước không chỉ thừa nhận sự tồn tại của các tổ chức tôn giáo hợp pháp mà còn được pháp luật bảo hộ và đầu tư chăm lo mọi mặt cho đồng bào các tôn giáo. Nghị quyết nêu rõ: “Các tổ chức

tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo...”⁹.

Qua các kỳ Đại hội, những quan điểm đổi mới của Đảng về công tác tôn giáo đã ngày càng hoàn thiện. Một số nghị quyết được ban hành đã tạo ra bước đột phá quan trọng. Đảng đã khẳng định rõ tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài, tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới.

Đảng thể hiện rõ những quan điểm đổi mới về tôn giáo, thừa nhận một thực tế khách quan là tôn giáo ra đời rất sớm trong lịch sử và tồn tại trong suốt quá trình phát triển cũng như những thăng trầm của lịch sử, của xã hội; Nghị quyết 25-NQ/TW ngày 12-3-2003 “Về công tác tôn giáo” làm rõ nhiều quan điểm mới về tôn giáo như: Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc; nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng; công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; vấn đề theo đạo và truyền đạo được thực hiện tự do theo quy định của pháp luật. Đó chính là những nội dung cơ bản của đường lối chính sách đổi mới về tôn giáo của Đảng và được Nhà nước thể chế hóa bằng

các chỉ thị, nghị quyết và các văn bản pháp quy như: Ngày 21-3-1991, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 69/HĐBT “quy định về các hoạt động tôn giáo”. Ngày 19-4-1999, Chính phủ ra Nghị định số 26/1999/NĐ-CP “Về các hoạt động tôn giáo”. Ngày 29-6-2004, Chủ tịch nước ký lệnh công bố Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo và ngày 1-3-2005 Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2005/NĐ-CP, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo. Số lượng văn bản pháp quy về tôn giáo của Nhà nước ban hành từ sau năm 1990 nhiều hơn mấy lần so với các giai đoạn trước. Về hình thức văn bản pháp quy ngày càng mang tính pháp lý cao hơn như: thông tư, chỉ thị, nghị định, pháp lệnh, luật. Nội dung các văn bản pháp quy ngày càng được bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

Năm 2003, Hội nghị lần thứ bảy (phần II) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX đã bàn và thông qua Nghị quyết về công tác tôn giáo, trong đó đã nhận định xác đáng: “Công tác tôn giáo không chỉ có ý nghĩa chiến lược trong thời kỳ đổi mới mà trong mọi giai đoạn của cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, công tác tôn giáo đã thu được nhiều thành tựu quan trọng, đồng bào các tôn giáo đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, trong thời kỳ đổi mới, tình hình hoạt động tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố có thể gây mất ổn định”¹¹. Những đánh giá của Đảng về tôn giáo ngày càng khoa học và sát

thực, dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn công tác tôn giáo Việt Nam, được đồng bào tôn giáo đồng tình. Linh mục Vương Đình Bích, trong bài viết “Tấm lòng của Đảng đối với đồng bào giáo hữu” đã bày tỏ: “Tấm lòng của Bác, tấm lòng của Đảng không phải chỉ là “tình cảm” bởi vì đó là tấm lòng cách mạng, vừa đầy tính dân tộc, vừa đầy tính giai cấp, trong một thể thống nhất mà Bác và Đảng đã thực hiện xuyên suốt quá trình áp dụng chủ nghĩa Mác-Lênin một cách sáng tạo, độc đáo vào cách mạng Việt Nam...”¹².

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T.8, tr.345

2. *Sđđ*, T.11, tr.314

3. *Sđđ*, T.10, tr.285

4. *Sđđ*, T.12, tr.118-119

5, 6, 7, 8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, CTQG, H, 2005, tr. 284, 508, 671, 671

9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*, CTQG, H, 2006, tr. 123

10. Ban Bí thư Trung ương Đảng: Nghị quyết số 40-NQ/TW ngày 1-10-1981 *Về công tác đối với các tôn giáo trong tình hình mới*, tr. 5, 7-8

11. Nguyễn Trọng Phúc (Chủ biên): *Các Đại hội đại biểu toàn quốc và Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam*, CTQG, H, 2006, tr.680

12. Vương Đình Bích: *Tấm lòng của Đảng đối với đồng bào giáo hữu*, Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, số ra ngày 13-7-1986, tr.3

13. Đỗ Quang Hưng: *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, CTQG, H, 2007, tr. 418, 430, 448.